

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Khu dân cư Tr, phường Q, thành phố D, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1987; trú tại: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:* Ông Trịnh Xuân D, sinh năm 1949; trú tại: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị N trình bày: Chị và anh Trịnh Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình

anh Th tại xã K, huyện K; cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2012 anh chị thống nhất vay mượn tiền để lo cho anh Th đi xuất khẩu lao động nhưng khi sang nước bạn anh không chịu khó làm ăn, không có tiền gửi về trả nợ. Năm 2014 anh về nước nhưng vẫn không chịu lao động, mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu rồi gây sự, đánh chửi, đuổi chị ra khỏi nhà; chị và gia đình góp ý, khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Năm 2015 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện Th, tỉnh Bắc Ninh sống một thời gian, sau đó chị đến thuê nhà trọ và làm công nhân tại phường Q, thành phố D, tỉnh Hải Dương; từ nhiều năm nay chị và anh Th không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Th có 01 con là Trịnh A, sinh ngày...2010, hiện chị đang nuôi con. Do anh Th không có việc làm, từ trước đến nay không quan tâm đến con nên chị đề nghị giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trịnh Văn Th: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Trịnh Văn Th đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Trịnh Xuân D là bố đẻ của anh Th trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh Th đúng như chị N trình bày. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh Th. Ông xác định các văn bản, giấy tờ của Tòa án ông nhận được ông đều giao đầy đủ cho anh Th. Anh Th có nói với ông là: Tòa án giải quyết thế nào thì giải quyết, anh nhất trí ly hôn và để chị N nuôi con chứ anh không đến Tòa án làm việc.

Chính quyền địa phương xã K cung cấp: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung giữa chị N và anh Th đúng như chị N đã trình bày; việc anh Th tụ tập bạn bè uống rượu gây ảnh hưởng cả đến an ninh trật tự thôn xóm, đã bị địa phương nhắc nhở nhiều lần. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N theo nguyện vọng của chị.

Tại phiên Tòa: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th; giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Trịnh Văn Th; giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con; chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Th đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị N đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị N và anh Trịnh Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã K, huyện K nơi sinh sống của anh Th tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị N và anh Th là hợp pháp.

[3] Chị N khởi kiện xin ly hôn, anh Th không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh Th không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị N song lời khai của chị N phù hợp với lời khai của ông Trịnh Xuân D là bố đẻ của anh Th, phù hợp với nội dung chính quyền địa phương xã K cung cấp đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không tu chí làm ăn, lười lao động, thường xuyên tụ tập uống rượu, đánh chửi, đuổi chị N ra khỏi nhà. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận chính anh Th là người lười lao động, không tu chí làm ăn, luôn có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị N, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N ly hôn anh Th.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị N và anh Th có 01 con là Trịnh A, sinh ngày 07/5/2010. Cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ và chị N cũng đề nghị giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy, kể từ khi hai người sống ly thân, chị N là người trực tiếp nuôi con, hiện chị làm công nhân có chỗ ở, việc làm, thu nhập ổn định khoảng 7000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng, đủ điều kiện nuôi dạy con, trong khi anh Th ham chơi, không có công việc ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Vũ Thị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Trịnh Văn Th.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Trịnh A, sinh ngày 07/5/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Trịnh Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005068, ngày 27 tháng 3 năm 2019.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/5/2019; anh Trịnh Văn Th có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã K, H.K;
- UBND xã X, H.T.Th, B.Ninh;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân